

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC MÔN GIÁO DỤC HỌC NHẪM GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NỀN TẢNG VĂN HÓA SƯ PHẠM CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỈ 21

TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA
Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

Trong công cuộc đào tạo đội ngũ giáo viên thì việc hình thành cho họ trình độ văn hóa sư phạm cơ bản, toàn diện là một yêu cầu cực kì quan trọng. Trình độ văn hóa sư phạm có thể được hiểu là toàn bộ kiến thức, sự hiểu biết về hoạt động sư phạm, kinh nghiệm lí thuyết cũng như kinh nghiệm và khả năng thực hành hoạt động sư phạm. Đặc biệt trong điều kiện phát triển xã hội chủ yếu dựa trên nền kinh tế tri thức, cộng với trình độ phát triển cao của hoạt động dạy học và giáo dục trên thế giới thì việc hình thành cho sinh viên sư phạm một nền tảng văn hóa sư phạm vừa sâu vừa rộng lại là một yêu cầu ngày càng trở nên cấp bách. Để đạt được một trình độ văn hóa sư phạm như vậy, trên cơ sở tinh thông kiến thức chuyên ngành, đòi hỏi người sinh viên sư phạm phải có được những kiến thức cơ bản về nghề sư phạm, rèn luyện được những kĩ năng kĩ xảo của nghề sư phạm. Cùng với các bộ môn khác thuộc khoa học giáo dục như Tâm lí học, Phương pháp giảng dạy bộ môn, Lịch sử giáo dục học,...(còn nhiều môn nữa mà trong nhà trường sư phạm ở Việt Nam chưa hề có), Giáo dục học, với tư cách là một bộ môn khoa học nghiệp vụ, góp một vai trò cực kì quan trọng trong việc hình thành và phát triển trình độ văn hóa sư phạm cho những người giáo viên tương lai. Cụ thể là nó cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về các vấn đề giáo dục như mục đích, tính chất cũng như nhiệm vụ của nền giáo dục Việt Nam, cung cấp cho họ những hiểu biết cơ bản về hoạt động nghiệp vụ của người giáo viên, rèn luyện cho họ hệ thống những kĩ năng sư phạm và giúp họ hình thành lí tưởng đạo đức và tình cảm nghề nghiệp. Vì vậy trong bất kì nhà trường sư phạm nào cũng phải có bộ môn Giáo dục học, nếu không có bộ môn này thì nhà trường đó không còn là trường sư phạm nữa.

Thế nhưng trên thực tế, việc giảng dạy và học tập bộ môn Giáo dục học trong các nhà trường sư phạm nói chung, trong nhà trường Đại học sư phạm ngoại ngữ nói riêng có thể nói là còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu như đã kể trên. Chuyện sinh viên năm này qua năm khác kêu ca phàn nàn rằng kiến thức môn Giáo dục học trừu tượng, khó hiểu, khó khăn, giáo điều, xa rời thực tế (nhất là thực tế giảng dạy ngoại ngữ ở nhà trường phổ thông) là một hiện tượng có thể nói là khá phổ biến xưa nay (không chỉ ở trường SPNN mà hầu như tồn tại ở hầu hết các trường sư phạm trong phạm vi cả nước). Thậm chí có những đồng nghiệp thuộc các chuyên ngành khác còn cho rằng bộ môn Giáo dục học "có thì thừa mà không có thì chưa chắc đã thiếu" bởi vì "không có nó thì sinh viên của chúng tôi vẫn có thể đi dạy được". Thậm chí thực tế này còn được khái quát thành một nhận định trong cuộc hội thảo quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh đầu năm 1995: *"Việc giảng dạy môn Giáo dục học còn nhiều độ lệch: nặng về lí thuyết, nhẹ về thực hành; nặng về kiến thức, nhẹ về kĩ năng; nặng về kiến thức hàn lâm, nhẹ về kiến thức thực tế... Giáo dục học chưa thực sự là một bộ môn dạy nghề; sách Giáo dục học chưa trở thành cẩm nang nghề, bí quyết nghề cho sinh viên mà họ chỉ học ở trường sư phạm mới có"*. Thực tế chất lượng giảng dạy bộ môn Giáo dục học là như thế, và đó chính là cái "chưa được" cần phải khắc phục, chứ điều đó không có nghĩa là "không cần làm hay không cần có nó nữa" như đã tồn tại trong một số quan niệm sai lầm đã kể ra ở trên. Không phải ngẫu nhiên mà ở tất cả các cơ sở đào tạo giáo viên ở các nước văn minh trên thế giới các bộ môn thuộc khoa học giáo dục, trong đó có Giáo dục học, đều chiếm một tỉ lệ thời gian đáng kể trong tổng số thời gian đào tạo giáo viên (chưa kể số thời gian dành cho thực tế, thực tập sư phạm). Tỉ lệ này ở một số nước là như sau: 25% ở Mĩ, 30% ở Canada, 35% ở Anh, 50% ở Singapor... và trong tổng số thời gian dành cho các môn khoa học giáo dục thì số thời gian dành cho môn Giáo dục học lại chiếm một tỉ lệ không phải là nhỏ (ví dụ ở các cơ sở đào tạo

giáo viên tại CHLB Đức, Giáo dục học và Tâm lý học mỗi môn chiếm 12 đơn vị học trình trong tổng số 30 đơn vị học trình dành cho các môn khoa học giáo dục).

Xuất phát từ tám quan trọng như đã nêu trên của bộ môn Giáo dục học và trên cơ sở xem xét kỹ lưỡng những bất cập trong thực tế dạy và học bộ môn này trong quá trình đào tạo giáo viên ngoại ngữ, vấn đề cấp thiết đặt ra là: làm thế nào để cải tiến chất lượng dạy và học môn Giáo dục học nhằm góp phần hình thành cho sinh viên sư phạm ngoại ngữ vốn văn hóa sư phạm cơ bản, toàn diện và những kỹ năng hoạt động nghề sư phạm, mà trong đó bao gồm hai nhóm kỹ năng nghề cơ bản là: kỹ năng dạy học (ngoại ngữ) và kỹ năng tiến hành hoạt động giáo dục trong những điều kiện xã hội phát triển của những năm đầu thế kỷ 21 này.

Theo ý kiến chúng tôi, muốn để cho bộ môn Giáo dục học đạt được những yêu cầu như trên thì việc cải tiến chất lượng dạy và học bộ môn không chỉ đơn giản nằm ở việc cải tiến một khâu riêng lẻ nào mà là cải tiến toàn bộ qui trình giảng dạy bộ môn này, làm cho nó trở nên thiết thực, gần gũi và hữu ích hơn đối công tác giảng dạy và giáo dục trong tương lai của sinh viên sư phạm ngoại ngữ. Theo chúng tôi, việc cải tiến qui trình giảng dạy bộ môn Giáo dục học phải giải quyết được một số vấn đề cốt lõi sau đây:

1. Cải tiến nội dung giảng dạy

a. Nội dung chương trình cần được cải tiến theo hướng cơ bản, hiện đại, toàn diện và sát với thực tiễn giáo dục Việt Nam:

Đa phần các kiến thức trong các sách giáo khoa Giáo dục học ở Việt Nam từ trước đến nay là được tiếp thu từ các nước xã hội chủ nghĩa cũ, trong đó có nhiều kiến thức mang tính chất kinh viện, quá nặng về lý thuyết và không sát với thực tiễn giáo dục ở Việt Nam, chưa khai thác được truyền thống, kinh nghiệm giáo dục Việt Nam xưa nay. Thậm chí có những nội dung kiến thức nếu nhìn theo quan điểm hiện đại thì không còn hoàn toàn đúng nữa, hoặc không nhất thiết phải đề cập đến nữa. Vậy thì tại sao lại không mạnh dạn gạt bỏ những phần kiến thức kinh viện này (mà có thời đã gần như là bắt buộc phải truyền đạt được cho sinh viên), để đưa thêm vào chương trình những xu thế hay thành tựu mới về dạy học và giáo dục của các nước văn minh trên thế giới và các nước khác trong khu vực, những vấn đề phản ánh đặc trưng của nền giáo dục Việt Nam trong giai đoạn CNH-HĐH,... hoặc để tăng thêm nội dung thực hành cho sinh viên. Thật là phi lý khi chúng ta đòi hỏi ở sinh viên những kỹ năng thực hành ở trình độ cao, trong khi nội dung chương trình phần Lý luận dạy học lại chỉ cung cấp cho sinh viên những phương pháp dạy học giáo điều và cổ truyền chứ không hề đề cập động chút gì tới những phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh.

b. Chương trình, kế hoạch giảng dạy (curriculum) cần được xây dựng theo cấu trúc mở: theo như kinh nghiệm của các nước tiên tiến thì khoảng 75% nội dung là phần cứng, 25% còn lại là phần mềm, tạo điều kiện cho giáo viên tiến hành hoạt động dạy học một cách linh hoạt.

2. Cải tiến phương pháp và phương tiện dạy học

Cùng với nội dung, phương pháp dạy học có ảnh hưởng quyết định đến chất lượng của hoạt động dạy và học. Việc cải tiến phương pháp dạy học là một công việc không phải là dễ dàng, nếu không muốn nói là khó khăn, phức tạp, nhưng nếu làm được điều đó sẽ có tác dụng tích cực tới việc nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường nói chung, chất lượng dạy và học bộ môn Giáo dục học nói riêng. Có một thực tế rất đáng lo ngại là một số không ít giáo viên trong chúng ta đã sử dụng một cách khá phổ biến và thường xuyên "phương pháp đọc", cho nên tương thích với nó chính là việc tồn tại một cách phổ biến và đại trà "phương pháp chép" trong sinh viên. Chính "phương pháp học" như vậy trong sinh viên bây giờ đã tạo nên phần nào "phong cách" của họ: lười suy nghĩ, thiếu sáng tạo.... Nếu nội dung dạy học có được hoàn thiện và làm cho phong phú, thiết thực đến mấy nhưng tình trạng dạy và học vẫn giữ nguyên như hiện nay thì có thể đảm bảo chắc một điều là nhà trường sư phạm nói chung, sư phạm ngoại ngữ nói riêng không thể đào tạo ra được những con người thông minh, năng động và sáng tạo để có thể thích ứng được với những thay đổi liên tục và nhanh chóng của điều kiện xã hội biến đổi không ngừng. Vậy vấn đề được đặt ra là làm sao phải dạy được cho học sinh cách học, nói đúng hơn là cách tự học. Hay nói một cách khác, bản chất cốt lõi nhất của phương pháp dạy học hiện nay phải được hiểu là phương pháp dạy cho

học sinh cách tự học. Chỉ một khi người giáo viên quán triệt được yêu cầu cốt lõi này thì họ mới có cơ sở đúng đắn để xây dựng hay lựa chọn cho mình những phương pháp dạy học thích hợp. Vậy thì có những cách thức nào để cải tiến phương pháp dạy học môn Giáo dục học để giúp cho sinh viên hình thành và phát triển khả năng tự học, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần thực hiện thành công các mục đích giáo dục trong những năm tới đây.

2.1. Phối hợp tổ chức phương pháp dạy của giáo viên với phương pháp tự nghiên cứu của sinh viên

Ở đây chúng tôi muốn nhấn mạnh sự phối hợp tổ chức phương pháp dạy của thầy và phương pháp học của trò vì giữa phương pháp dạy của thầy và phương pháp học của trò có sự qui định lẫn nhau, ảnh hưởng chặt chẽ đến nhau. Nếu phương pháp của thầy là "đọc" thì tất yếu phương pháp học của trò sẽ là "chép", còn nếu phương pháp dạy của thầy là phương pháp tổ chức hoạt động tự học, tự nghiên cứu cho trò, liên tục bắt trò phải động não suy nghĩ thì chắc chắn phương pháp học của trò chủ yếu cũng sẽ phải là phương pháp tự tổ chức quá trình học tập, nghiên cứu. Chất lượng một giờ lên lớp phụ thuộc vào sự nỗ lực của cả giáo viên lẫn sinh viên. Vấn đề cốt lõi là làm sao giúp cho sinh viên hình thành được kỹ năng tự nghiên cứu. Có một số gợi ý cho các giáo viên như sau:

** Tạo điều kiện nâng cao chất lượng hoạt động tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên trên cơ sở dạy học định hướng mục tiêu học tập*

Dạy học định hướng mục tiêu học tập nói qua xem chừng đơn giản, thậm chí có người còn nghĩ, hoạt động dạy học bao giờ chẳng bám sát các mục tiêu đề ra. Nhưng vấn đề ở đây là xây dựng hệ thống mục tiêu như thế nào, ở những cấp độ nào, chi tiết đến mức độ nào và thể hiện những yêu cầu học tập trong những lĩnh vực nào.

Thông thường các mục tiêu học tập được xác định ở những cấp độ khác nhau như các mục tiêu định hướng, các mục tiêu chung, các mục tiêu thành phần hay các mục tiêu chi tiết thể hiện trong các lĩnh vực nhận thức, thái độ, kỹ năng. Việc xây dựng hệ thống các mục tiêu học tập cũng chính là quá trình cụ thể và chi tiết hóa các mục tiêu chung của bộ môn (chi tiết đến từng đơn vị kiến thức). Các mục tiêu học tập cần được diễn đạt một cách cụ thể, rõ ràng và có tính chất đo lường được dưới dạng những chuẩn mực về kiến thức và kỹ năng.

Việc xây dựng một hệ thống các mục tiêu học tập là một công việc hết sức công phu, đòi hỏi một sự nỗ lực rất lớn của người làm chương trình cũng như giáo viên nhưng một khi người giáo viên đã có được trong tay một hệ thống các mục tiêu dạy học cụ thể thì có thể nói là công việc dạy học của họ sẽ thuận lợi và có hiệu quả hơn rất nhiều. Nhưng vấn đề quan trọng không chỉ là ở việc xây dựng một hệ thống các mục tiêu học tập mà một đòi hỏi có tính chất thiết yếu là những mục tiêu học tập này không phải chỉ cần được thống nhất và quán triệt đến từng giáo viên mà có lẽ không kém phần quan trọng là thông báo và giúp cho cả người học cũng phải nắm vững được chúng ngay từ lúc bắt đầu môn học (về mục tiêu và yêu cầu chung của môn học) hoặc bắt đầu một chương, bài học (các khái niệm lý thuyết, các kỹ năng thực hành cụ thể). Việc dạy học định hướng mục tiêu học tập không chỉ góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, chất lượng kiểm tra đánh giá, mà có lẽ quan trọng hơn cả là nó tạo điều kiện cho việc phát huy tính tích cực chủ động cho người học trong việc tự điều khiển, điều chỉnh quá trình học tập của mình. Trên cơ sở nắm vững các mục tiêu học tập cụ thể, người học có thể tự mình tiến hành hoạt động tự học, tự nghiên cứu một cách thuận lợi.

** Sử dụng phối hợp nhiều hình thức, phương pháp dạy học tích cực hoá hoạt động nhận thức của sinh viên trong giờ lên lớp*

Một khi sinh viên đã có thể tự mình chủ động nghiên cứu trước tài liệu học tập, trên cơ sở nắm vững các mục tiêu học tập như đã nói ở trên, thì có thể nói giáo viên đã có điều kiện tốt để thay đổi nội dung hoạt động của mình trên lớp: có thể hạn chế dần sự thuyết trình, diễn giảng trình tự tất cả các nội dung theo qui định của chương trình (như vẫn làm xưa nay) mà dành thời gian cho các hoạt động khác nhằm phát huy cao độ tính tích cực chủ động của sinh viên, ví dụ như:

- Tổ chức cho sinh viên thảo luận theo nhóm về những nội dung lý thuyết mà họ đã tự nghiên cứu trước, hoặc những nội dung thực hành vận dụng những lý thuyết đó, sau đó cử đại diện lên

trình bày trước lớp, để cả lớp tranh luận. Kết thúc, giáo viên bổ sung, sửa chữa và hệ thống hóa lại các vấn đề.

- Trên cơ sở sinh viên đã nghiên cứu trước tài liệu, cộng với tài liệu phát tay cho sinh viên, khi giảng bài, giáo viên hoàn toàn có thể chỉ tập trung vào phân tích chuyên sâu một hoặc một số nội dung trọng yếu trong bài (với chiến lược "đốt phá nhất điểm khai thông toàn diện"). Đây là một phương pháp làm việc rất có hiệu quả, nhất là khi giáo viên có điều kiện sử dụng máy chiếu (overhead projector) trong dạy học. Để thực hiện được những công việc này một cách đồng bộ, đòi hỏi sự gia công rất lớn của người giáo viên trong khâu chuẩn bị cho giờ lên lớp. Cách thức soạn thảo nội dung cho tờ trong (dùng để chiếu) hay tài liệu phát tay cho sinh viên dùng trong giờ lên lớp hoàn toàn không đơn giản (nội dung cụ thể sẽ được trình bày chi tiết ở một báo cáo khác). Chính nhờ những phương tiện, cách thức dạy học này mà chất lượng giờ lên lớp thay đổi về chất. Điều này được thực hiện từ rất lâu và rất phổ biến ở nhiều trường đại học trên thế giới, nhưng ở ta nó còn được sử dụng rất hạn chế trong các trường đại học (ở đây tác giả muốn nhấn mạnh đến sự sử dụng đồng bộ các phương pháp và phương tiện).

- Tổ chức giờ học dưới hình thức các báo cáo chuyên đề. Trong tương lai không xa, đây cần phải trở thành kiểu dạy học phổ biến trong các trường đại học. Với hình thức này giáo viên có điều kiện giới thiệu cho sinh viên những vấn đề có tính chất chuyên khảo, thời sự trong giáo dục, dạy học trên thế giới và trong nước ví dụ như:

+ Xu thế đổi mới của giáo dục trong thời đại hiện nay; chiến lược giáo dục

+ Đặc điểm xã hội và con người, mục đích, mục tiêu giáo dục Việt Nam trong thời kì CNH - HĐH

+ Giáo dục đạo đức, giáo dục gia đình trong thời buổi kinh tế thị trường

+ Nền kinh tế tri thức và những yêu cầu giáo dục mới

+ Các mô hình đào tạo giáo viên trên thế giới

+ Luật giáo dục

+ Các xu hướng dạy học hiện đại

Để thực hiện được công việc này đòi hỏi một sự nỗ lực lớn của người giáo viên vì nó đòi hỏi ở họ một tâm huyết biết, một vốn văn hóa sư phạm vừa sâu lại vừa rộng. Có thể nói người giáo viên ở đại học phải phấn đấu để thực sự trở thành chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

- Song song với hình thức trên là việc tăng cường tổ chức các buổi thảo luận về các chủ đề liên quan đến thực tiễn dạy học, giáo dục Việt Nam (ví dụ như đã kể trên). Chính nhờ những buổi thảo luận như thế này mà sinh viên có thể rèn luyện được khả năng chủ trì, điều khiển cuộc họp, sinh hoạt khoa học, khả năng lập luận, bảo vệ quan điểm, tập dượt cách trình bày một vấn đề trước tập thể...

2.2. Cải tiến phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập bộ môn

* Cần sử dụng phối hợp nhiều phương pháp kiểm tra khác nhau như trắc nghiệm tự luận, trắc nghiệm khách quan, viết bài tập nghiên cứu hoặc thu hoạch về một vấn đề giáo dục (vấn đề về lý thuyết hoặc thực tiễn giáo dục) bởi vì mỗi phương pháp kiểm tra đều có những ưu nhược điểm nhất định. Khi kiểm tra tự luận tránh việc đặt ra những câu hỏi bắt học sinh thuần túy tái hiện kiến thức theo kiểu học thuộc lòng

* Kết hợp kiểm tra lý thuyết với kiểm tra kỹ năng thực hành sư phạm.

* Không chỉ tiến hành kiểm tra khi kết thúc môn học mà cần được tiến hành định kì trong cả tiến trình học nhằm giúp học sinh có điều kiện ôn luyện ngay sau khi học xong một học phần.

3. Cải tiến phương thức tổ chức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên

Nếu ai đó có tư tưởng hoàn toàn trông chờ việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên chỉ vào đợt thực tập sư phạm (mà tất cả chỉ vốn vụn trong phạm vi 6 tuần) thì quả là không tương. Không chỉ một số không ít sinh viên mà cả một số giáo viên chưa hề có tâm lý coi trọng công việc này. Sinh viên trước khi đi thực tập sư phạm ở phổ thông chưa được tập dượt, chuẩn bị chu đáo những kỹ năng sư phạm cần thiết (kỹ năng dạy học và giáo dục). Hành trang nghiệp vụ sư phạm của họ khi xuống thực tập ở phổ thông chủ yếu và duy nhất vẫn chỉ là những kiến thức lý thuyết ở bộ môn Tâm lý- Giáo dục và Phương pháp giảng dạy bộ môn. Điều đó không tránh khỏi những

lúng túng, hạn chế của họ khi bắt tay vào công việc. Giải pháp duy nhất là cần tăng cường số giờ và làm phong phú các hình thức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên. Việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên bao gồm 2 nội dung cơ bản: rèn luyện kỹ năng dạy học và kỹ năng giáo dục. Ở đây chúng tôi chỉ đề cập giới hạn trong khâu rèn luyện kỹ năng qua những giờ thực hành trên lớp, chứ trong phạm vi báo cáo này chưa đề cập đến hoạt động thực tập sư phạm.

3.1. Sử dụng băng Video trong rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên:

Có thể sử dụng băng Video trong những tình huống sau:

- * Cho sinh viên xem và phân tích băng ghi hình một số giờ dạy mẫu của giáo viên ở trường phổ thông. Cần phải chọn quay những giờ lên lớp đạt chất lượng cao của những giáo viên dạy giỏi để giúp sinh viên học tập được cách thức tiến hành, tổ chức một giờ lên lớp cụ thể. Trên cơ sở đó giúp họ có thể phân tích, so sánh, đối chiếu với những kiến thức lí thuyết đã được học ở phần lí luận dạy học đại cương và Phương pháp giảng dạy bộ môn, nhằm rút ra những bài học thực tiễn cho riêng mình. Nếu cần thiết có thể cho sinh viên xem đi xem lại nhiều lần từng đoạn để phân tích ưu nhược điểm và rút kinh nghiệm.

- * Cho sinh viên soạn giáo án và tập giảng rồi quay Video. Sau đó cho họ xem lại một cách kĩ lưỡng băng hình ghi lại toàn bộ hoạt động của mình hoặc của bạn trong tiết tập giảng để góp ý, rút kinh nghiệm. Đây là một hình thức luyện tập rất có hiệu quả vì nó giúp cho sinh viên được tự mình quan sát một cách sinh động những hoạt động của mình trong giờ lên lớp để sau đó có thể tự nhận xét, đánh giá.

- * Ngoài ra còn có thể quay băng Video những hoạt động giáo dục ở trường phổ thông ví dụ như cách thức tổ chức, điều khiển một buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt câu lạc bộ tiếng,... để sử dụng làm phương tiện trực quan trong rèn luyện kỹ năng giáo dục cho sinh viên.

Những hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm như vừa kể trên đây có ý nghĩa thực tiễn vô cùng to lớn, tuy vậy nó đòi hỏi sự cố gắng phối hợp nhịp nhàng và chặt chẽ giữa giáo viên bộ môn Giáo dục học và giáo viên Giáo học pháp bộ môn. Thiết tưởng đã đến lúc nên cho ra đời một phòng thực hành nghiệp vụ cho sinh viên sư phạm ngoại ngữ.

3.2. Tăng cường sử dụng phương pháp tình huống (case study) kết hợp với thảo luận trong rèn luyện kỹ năng sư phạm cho sinh viên:

Những tình huống sư phạm này có thể là những tình huống lấy ra trong hệ thống bài tập thực hành Giáo dục học, hoặc những tình huống dạy học và giáo dục có thực do giáo viên hoặc sinh viên thu thập được. Việc tự mình giải quyết những tình huống sư phạm sinh động khác nhau, sau đó thảo luận để phân tích cái đúng cái sai, cái hay cái dở trong các phương án giải quyết khác nhau đối với những tình huống này giúp cho sinh viên có điều kiện vận dụng linh hoạt những kiến thức lí thuyết đã học để lựa chọn đưa ra những phương án giải quyết tối ưu, qua đó sinh viên không chỉ có điều kiện khắc sâu thêm tri thức lí thuyết, thấy được ý nghĩa thực tiễn của chúng mà còn dần dần hình thành và phát triển được khả năng tư duy sư phạm.

Những hoạt động như vậy của sinh viên có thể được tổ chức dưới hình thức câu lạc bộ nghiệp vụ sư phạm.

Thực tế vận dụng cho thấy thái độ hào hứng và sự tham gia nhiệt tình của sinh viên trong những giờ thực hành như vậy. Nếu sinh viên được tập dượt nghiêm túc và kĩ lưỡng những kỹ năng sư phạm nhờ những biện pháp hữu hiệu kể trên thì cái lợi trước mắt là chắc chắn chất lượng của đợt thực tập sư phạm sẽ được đảm bảo, tới nữa là sự vững vàng, tự tin của sinh viên khi bắt tay vào hoạt động sư phạm sau khi ra trường.

3.3. Tổ chức cho sinh viên tập dượt nghiên cứu khoa học giáo dục

Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục, đặc biệt là nghiên cứu những vấn đề của thực tiễn giáo dục Việt nam, cũng là một yêu cầu rất cần thiết đối với những sinh viên sư phạm, những nhà giáo dục tương lai. Thực tiễn giáo dục cho thấy, đa số giáo viên giỏi là những người là những người có khả năng nghiên cứu khoa học giáo dục. Việc hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học có thể tiến hành dưới hình thức viết niên luận hoặc tiến hành những đề tài nghiên cứu liên quan đến thực tiễn giáo dục ở nhà trường phổ thông, nơi sinh viên tiến hành thực tập sư phạm.

4. Về vấn đề thời gian dành cho bộ môn Giáo dục học

Thời lượng là vấn đề đầu tiên nhưng chúng tôi muốn nói đến cuối cùng sau khi đã trình bày các phương hướng cải tiến qui trình giảng dạy bộ môn Giáo dục học. Như ở trên. Chương trình bộ môn Giáo dục học xưa nay vẫn được thực hiện trong khuôn khổ 6 đơn vị học trình. Theo ý kiến của chúng tôi nếu chỉ để thuần túy cung cấp những tri thức theo yêu cầu của chương trình như xưa nay vẫn làm thì hoàn toàn không có vấn đề gì. Nhưng để có thể hiện thực hóa những yêu cầu kể trên thì 6 đơn vị học trình quả là ít, và người giáo viên khó có thể thực hiện được ý tưởng của mình. Như kinh nghiệm cho thấy, thời lượng dành cho bộ môn này tối thiểu phải là 8 đơn vị học trình trở lên mới có thể đảm bảo hiện thực hoá được những yêu cầu, đề nghị đưa ra ở trên.

Chính nhờ những hình thức tổ chức, phương pháp dạy học phong phú, đa dạng như trên mà kiến thức môn Giáo dục học trở nên hấp dẫn hơn, bổ ích và thiết thực hơn đối với sinh viên sư phạm ngoại ngữ. Việc thử nghiệm tuy mới chỉ hạn chế ở việc vận dụng một số trong các phương pháp kể trên song đã mang lại những kết quả khá quan: sinh viên đều tỏ thái độ thích thú với việc học môn Giáo dục học và thấy ý nghĩa, tầm quan trọng của môn học này đối với người giáo viên tương lai, thậm chí không ít sinh viên còn phát biểu rằng học xong môn này thấy thêm yêu nghề sư phạm. Đây chẳng phải là điều đáng để vui và tự hào hay sao.